

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 149, Điều 396 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1340/2024/TLVDS-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1/ Ông Lê Thái L, sinh năm 1997, địa chỉ: E, đường D, khu phố C, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bà Trần Thị H, sinh năm 2000, địa chỉ: Đường số C, ấp T, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Lê Thái L và bà Trần Thị H có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế theo giấy chứng nhận kết hôn số 21, ngày 02/3/2020; cả hai bên cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, xét đây là sự tự nguyện của hai bên nên chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông Lê Thái L và bà Trần Thị H có 02 con chung tên Lê Trần Phương U, sinh ngày 09/11/2021 và Lê Thái Vinh Q sinh ngày 07/4/2020. Vợ chồng có thoả thuận sẽ giao 02 con chung Lê Trần Phương U, sinh ngày 09/11/2021 và Lê Thái Vinh Q sinh ngày 07/4/2020 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; Bà H và ông L thoả thuận ông L cấp dưỡng nuôi 02 con chung là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, mỗi cháu 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, thi hành từ tháng 01/2025 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung: Ông Lê Thái L và bà Trần Thị H xác định không có tài sản chung. Do đó, Tòa án không xem xét về tài sản chung.

[4] Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông Lê Thái L và bà Trần Thị H xác định không có nợ chung. Do đó, Tòa án không xem xét về nghĩa vụ dân sự chung.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân ông Lê Thái L và bà Trần Thị H thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày 24/12/2024, Giấy chứng nhận kết hôn 21 ngày 02/3/2020 do U, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế cấp cho ông Lê Thái L và bà Trần Thị H không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Lê Thái L và bà Trần Thị H có 02 con chung tên Lê Trần Phương U, sinh ngày 09/11/2021 và Lê Thái Vinh Q sinh ngày 07/4/2020. Bà H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Trần Phương U và Lê Thái Vinh Q. Ghi nhận sự tự nguyện của ông L cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng, mỗi cháu 1.000.000 (một triệu) đồng/tháng, bắt đầu thi hành từ tháng 01/2025 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi.

Trường hợp ông L chậm trả số tiền trên cho bà H thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ giao tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Khi có lý do chính đáng việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có

- Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

2. Về lệ phí: Lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), ông Lê Thái L và bà Trần Thị H mỗi người phải chịu là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng), được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0016716 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Củ Chi;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quang Định